

Số: 34 /KH-UBND

Bình Phước, ngày 01 tháng 02 năm 2021

KẾ HOẠCH

**Ứng dụng công nghệ thông tin trong xây dựng Chính quyền điện tử,
chuyển đổi số, Địa phương thông minh và bảo đảm an toàn thông tin mạng
tỉnh Bình Phước năm 2021**

I. CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH

- Luật Công nghệ thông tin (CNTT) ngày 29/6/2006;
- Luật Giao dịch điện tử ngày 29/11/2005;
- Luật An toàn thông tin ngày 19/11/2015;
- Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 của Chính phủ về ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan Nhà nước;
- Nghị quyết số 73/NQ-CP ngày 26/8/2016 của Chính phủ về việc phê duyệt Chủ trương đầu tư các Chương trình mục tiêu giai đoạn 2016-2020;
- Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019-2020, định hướng đến 2025;
- Căn cứ Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư;
- Căn cứ Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 17/4/2020 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư;
- Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2021 của Chính phủ về việc nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách Nhà nước năm 2021 (Nghị quyết số 01/NQ-CP);
- Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01/01/2021 của Chính phủ về việc tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2021;
- Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ;
- Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24/01/2019 của Chính phủ quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính Nhà nước;



- Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;
- Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan Nhà nước;
- Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 07/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường bảo đảm an toàn, an ninh mạng nhằm cải thiện chỉ số xếp hạng của Việt Nam;
- Quyết định số 252/QĐ-TTg ngày 13/02/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam đến năm 2020, định hướng đến 2030;
- Quyết định số 05/2017/QĐ-TTg ngày 16/3/2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định về hệ thống phương án ứng cứu khẩn cấp bảo đảm an toàn thông tin mạng quốc gia;
- Quyết định số 1622/QĐ-TTg ngày 25/10/2017 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án đẩy mạnh hoạt động của mạng lưới ứng cứu sự cố; tăng cường năng lực cho các cán bộ, bộ phận chuyên trách ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng trên toàn quốc đến 2020, định hướng đến 2025;
- Quyết định số 950/QĐ-TTg ngày 01/08/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển đô thị thông minh bền vững Việt Nam giai đoạn 2018 - 2025 và định hướng đến năm 2030;
- Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”;
- Quyết định số 2323/QĐ-BTTTT ngày 31/12/2019 của Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Khung kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam, phiên bản 2.0;
- Quyết định số 2523/QĐ-UBND ngày 02/11/2018 của UBND tỉnh phê duyệt Kiến trúc chính quyền điện tử tỉnh Bình Phước;
- Kế hoạch số 155/KH-UBND ngày 24/6/2019 của UBND tỉnh thực hiện Kế hoạch 154-KH/TU ngày 25/02/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 22/3/2018 của Bộ Chính trị về định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;
- Công văn số 2390/BTTTT-THH ngày 29/6/2020 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc triển khai Chương trình chuyển đổi số Quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;
- Công văn số 2506/BTTTT-THH-ATTT ngày 15/7/2020 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc hướng dẫn xây dựng Kế hoạch ứng dụng CNTT trong hoạt động cơ quan Nhà nước, phát triển Chính phủ số/Chính quyền số và đảm bảo an toàn thông tin mạng giai đoạn 2021-2025,

UBND tỉnh ban hành Kế hoạch ứng dụng CNTT trong xây dựng Chính quyền điện tử, chuyển đổi số, Địa phương thông minh và bảo đảm an toàn thông tin mạng tỉnh Bình Phước năm 2021 như sau:

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

- Xây dựng Chính quyền điện tử với nền hành chính hiện đại; bảo đảm chất lượng, hiệu lực, hiệu quả và tính minh bạch trong hoạt động của các cơ quan Nhà nước; góp phần phục vụ người dân và doanh nghiệp ngày càng tốt hơn; nâng cao vị trí xếp hạng của tỉnh Bình Phước.

- Đẩy nhanh xây dựng Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số, cung cấp dịch vụ công cho người dân và doanh nghiệp mọi lúc, mọi nơi.

- Tiếp tục khai thác, nâng cấp, sử dụng hiệu quả các phần mềm dùng chung, hạ tầng kỹ thuật CNTT trong cơ quan Nhà nước, đồng thời kết hợp chặt chẽ với việc thực hiện các chỉ tiêu cải cách hành chính, nâng cao năng lực cạnh tranh và góp phần phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bình Phước; xây dựng hạ tầng thông tin hiện đại, chuẩn hóa, đồng bộ, liên thông, đảm bảo vận hành tốt mạng truyền số liệu chuyên dùng, các ứng dụng CNTT trong cơ quan Nhà nước, đáp ứng tốt yêu cầu về xây dựng Chính quyền điện tử.

- Đẩy mạnh chuyển đổi số góp phần nâng cao tốc độ tăng trưởng, năng suất lao động và năng lực cạnh tranh của tỉnh.

- Tuyên truyền nâng cao nhận thức về an toàn thông tin, đầu tư các hệ thống đảm bảo an toàn thông tin trong cơ quan Nhà nước của tỉnh.

2. Mục tiêu cụ thể: Chi tiết tại Phụ lục 1.

III. NỘI DUNG, NHIỆM VỤ

1. Hoàn thiện môi trường pháp lý

- Kiện toàn, đổi mới, nâng cao hiệu quả, phương thức chỉ đạo của Ban Chỉ đạo xây dựng Chính quyền điện tử tỉnh; cập nhật, hoàn thiện Khung kiến trúc Chính quyền điện tử phiên bản 2.0; xây dựng tỉnh Bình Phước trở thành Địa phương thông minh; đẩy nhanh xây dựng Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số. Thực hiện các chỉ tiêu về cải cách thủ tục hành chính, xây dựng Chính quyền điện tử tại Nghị quyết số 01/NQ-CP.

- Kịp thời chỉ đạo, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được Trung ương giao, các chính sách, pháp luật về quản lý, ứng dụng và phát triển CNTT trong xây dựng Chính quyền điện tử và phát triển kinh tế - xã hội.

- Ban hành các văn bản đảm bảo điều kiện thuận lợi và nâng cao tính hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước về triển khai ứng dụng và đầu tư phát triển CNTT, đặc biệt là phát triển cơ sở hạ tầng thông tin, nguồn nhân lực, cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ cao và phát triển thương mại điện tử, bảo đảm tính đồng bộ và gắn kết chặt chẽ giữa ứng dụng CNTT với cải cách hành chính.



- Xây dựng các văn bản hướng dẫn để cụ thể hóa các nội dung về an toàn thông tin theo hướng quy định về trách nhiệm bảo đảm an toàn thông tin đối với tổ chức, cá nhân; các biện pháp bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng.

- Thường xuyên tổ chức các hoạt động tuyên truyền sâu, rộng, đa dạng về hình thức, phương tiện để phổ biến, phổ cập lộ trình, kết quả quá trình xây dựng Chính quyền điện tử, kết quả hiện đại hóa nên hành chính đến với mọi người dân và doanh nghiệp; tăng cường tổ chức các chương trình hướng dẫn giúp người dân, doanh nghiệp tiếp cận, khai thác thông tin và giao dịch với Chính quyền các cấp trên môi trường mạng.

2. Ứng dụng CNTT trong nội bộ cơ quan Nhà nước

- Bảo đảm các ứng dụng CNTT trong hoạt động của các cơ quan Nhà nước. Triển khai và hướng dẫn các cơ quan, đơn vị trong việc đầu tư ứng dụng CNTT tuân thủ theo kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh; trong đó, ưu tiên triển khai xây dựng nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung để thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu (CSDL) trong cơ quan Nhà nước của tỉnh và ngoài tỉnh. Chính quyền vừa là người đi đầu dẫn dắt, vừa là người kiến tạo thị trường cho sự nghiệp chuyển đổi số thông qua đầu tư chính quyền điện tử, địa phương thông minh; thúc đẩy các ngành, doanh nghiệp trong chuyển đổi số, phục vụ người dân trong các dịch vụ công số.

- Tiếp tục quản lý, vận hành ổn định, khai thác hiệu quả các phần mềm nền tảng của Chính quyền điện tử: Cổng thông tin điện tử, hệ thống thư điện tử công vụ; hệ thống một cửa điện tử; hệ thống phần mềm Quản lý văn bản và điều hành;...

- Nâng cấp các hệ thống thông tin dùng chung theo hướng kết nối liên thông và chia sẻ CSDL với các hệ thống thông tin chuyên ngành.

- Tiếp tục thuê, ứng dụng mạnh mẽ CNTT trong hệ thống cơ quan Nhà nước; gắn kết ứng dụng CNTT với cải cách hành chính, ứng dụng CNTT kết hợp với hệ thống chất lượng ISO.

- Tăng cường ứng dụng chữ ký số trong cơ quan Nhà nước nhằm đáp ứng nhu cầu gửi, nhận văn bản điện tử và tích hợp vào các hệ thống thông tin giao dịch giữa các cơ quan Nhà nước với nhau, với doanh nghiệp và người dân được xác thực, nhanh chóng và an toàn.

- Thực hiện chuyển đổi số tại địa phương một cách toàn diện từ chính quyền đến xã hội, doanh nghiệp để phát triển kinh tế số, xây dựng xã hội số. Phấn đấu đến năm 2030 cơ bản hoàn thành xây dựng chính quyền điện tử, tiến tới xây dựng Chính quyền số.

3. Ứng dụng CNTT phục vụ người dân và doanh nghiệp

- Tiếp tục duy trì hoạt động, khai thác có hiệu quả hệ thống Một cửa điện tử và dịch vụ công trực tuyến, liên thông tích hợp và chia sẻ với các phần mềm chuyên ngành.

- Tập trung triển khai dịch vụ công trực tuyến ở mức độ 3, mức độ 4; đồng thời nâng cao chất lượng dịch vụ công trực tuyến.

- Tiếp tục triển khai mở rộng việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích theo Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ, Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính (TTHC) trên môi trường điện tử.

- Cung cấp dịch vụ công trực tuyến; các kênh tương tác với người dân/doanh nghiệp; ứng dụng CNTT tại bộ phận một cửa; các dịch vụ địa phương thông minh;...

- Đẩy mạnh chuyển đổi số doanh nghiệp công nghiệp, phương thức sản xuất kinh doanh, tăng khả năng kết nối, tiếp cận thông tin, dữ liệu để tăng cơ hội kinh doanh mới và tăng khả năng tham gia chuỗi giá trị toàn cầu và khu vực.

- Tiếp tục tuyên truyền, hướng dẫn cho tổ chức doanh nghiệp và công dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến của các cơ quan hành chính Nhà nước trên địa bàn tỉnh.

4. Hoàn thiện các hệ thống thông tin, CSDL chuyên ngành

- Xây dựng các hệ thống CSDL dùng chung, ưu tiên các CSDL nền tảng phát triển Chính quyền điện tử tỉnh, Địa phương thông minh.

- Tiếp tục hoàn thiện, vận hành hệ thống thông tin địa lý (GIS) phục vụ công tác quản lý quy hoạch và hạ tầng kỹ thuật tỉnh.

- Thực hiện nhiệm vụ xây dựng, cập nhật các hệ thống thông tin, CSDL quốc gia do các Bộ, ngành Trung ương triển khai trên địa bàn tỉnh.

5. Phát triển hạ tầng kỹ thuật

- Xác định các nội dung phát triển hạ tầng kỹ thuật các cấp tới cấp phường, xã và các đơn vị trực thuộc (*trang bị máy tính cho cán bộ công chức; mạng LAN, kết nối Internet tốc độ cao, kết nối WAN; Trung tâm dữ liệu; ứng dụng điện toán đám mây; chữ ký số; sử dụng Mạng truyền số liệu chuyên dùng của cơ quan Đảng, Nhà nước; hạ tầng IoT - Internet vạn vật nếu có;...*).

- Duy trì Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh theo công nghệ điện toán đám mây, bảo đảm năng lực tổ chức quản lý, vận hành tập trung tất cả các hệ thống thông tin, CSDL trong toàn tỉnh.

- Duy trì hệ thống nền tảng tích hợp và chia sẻ dùng chung cấp tỉnh (LGSP), cho phép liên thông đồng bộ các hệ thống thông tin, CSDL trong toàn tỉnh, đồng thời kết nối liên thông với các hệ thống CSDL quốc gia.

- Nâng cao chất lượng cơ sở hạ tầng viễn thông, mạng lưới truyền dẫn trong toàn tỉnh; bảo đảm chất lượng đường truyền, tiếp tục mở rộng Internet cáp quang về vùng sâu, vùng xa; sẵn sàng phục vụ mọi nhu cầu kết nối. Phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông trở thành hạ tầng của Chính quyền số và nền kinh tế số.



- Tổ chức tiếp nhận, khai thác, cập nhật dữ liệu và liên thông đồng bộ các hệ thống CSDL quốc gia do các bộ, ngành Trung ương triển khai, chuyển giao trên địa bàn tỉnh.

- Tiếp tục thuê và vận hành ổn định mạng truyền số liệu chuyên dùng trong cơ quan Nhà nước nhằm đáp ứng nhu cầu khai thác, sử dụng, đảm bảo an toàn thông tin trong ứng dụng CNTT của các cơ quan Nhà nước và phục vụ tổ chức, doanh nghiệp và công dân.

6. Phát triển các hệ thống nền tảng

- Phát triển các hệ thống nền tảng cho phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số (*LGSP; các hệ thống nền tảng đặc thù, dùng chung cho các ứng dụng của ngành, địa phương*).

- Triển khai kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh phiên bản 2.0, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị trong việc đầu tư ứng dụng CNTT tuân thủ theo kiến trúc chính quyền điện tử tỉnh.

- Thực hiện kết nối liên thông các hệ thống thông tin, hạ tầng CSDL quốc gia, chia sẻ dữ liệu số, bảo vệ dữ liệu cá nhân, định danh và xác thực điện tử cho cá nhân, tổ chức phục vụ cho đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong xây dựng chính quyền điện tử, kinh tế số.

7. Bảo đảm an toàn thông tin

Triển khai các nội dung nhằm đảm bảo an toàn thông tin cho hoạt động của cơ quan Nhà nước trong đó bao gồm các nội dung:

- Hoàn thành triển khai, nâng cấp và duy trì bảo đảm an toàn thông tin mô hình 4 lớp theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông; áp dụng hệ thống quản lý an toàn thông tin mạng theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật vào hoạt động của cơ quan, tổ chức.

- Duy trì Trung tâm giám sát, điều hành an toàn, an ninh mạng (SOC); kết nối và chia sẻ thông tin với Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng Quốc gia (Cục An toàn thông tin).

- Thường xuyên rà soát, cập nhật, phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin và triển khai phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ.

- Rà soát hiện trạng, duy trì thuê dịch vụ chuyên nghiệp nhằm nâng cao năng lực bảo đảm an toàn thông tin, phòng chống mã độc theo mô hình tập trung, ưu tiên cho các hệ thống cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến phục vụ người dân và doanh nghiệp và hệ thống trung tâm dữ liệu.

- Định kỳ, đột xuất thực hiện kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin theo quy định.

- Định kỳ hằng năm tổ chức:

+ Đào tạo hoặc cử nhân sự chuyên trách/phụ trách về an toàn thông tin/CNTT tham gia các khóa đào tạo về quản lý, kỹ thuật về an toàn thông tin.

+ Các chương trình diễn tập, tập huấn bảo đảm an toàn thông tin mạng với các phương án, kịch bản phù hợp thực tế cho cán bộ chuyên trách/phụ trách về an toàn thông tin của các cơ quan, đơn vị.

- Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện rà soát, đánh giá, có biện pháp tăng cường bảo đảm an toàn thông tin đối với các hệ thống hạ tầng thông tin, hệ thống điều khiển công nghiệp và các hệ thống thông tin quan trọng khác do doanh nghiệp quản lý, khai thác, vận hành.

- Kiện toàn, nâng cao năng lực và duy trì hoạt động thường xuyên của Đội ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng; tăng cường chia sẻ, cung cấp thông tin về sự cố an toàn mạng.

- Triển khai đồng bộ các giải pháp kỹ thuật về an toàn thông tin mạng nhằm kịp thời phát hiện, ngăn chặn các nguy cơ mất an toàn thông tin, phòng ngừa các hoạt động tấn công mạng từ xa và ứng phó, khắc phục các sự cố về an toàn thông tin mạng.

- Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức và trang bị kỹ năng cơ bản về an toàn thông tin cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan, tổ chức Nhà nước và người dùng Internet trên địa bàn.

8. Xây dựng địa phương thông minh

- Duy trì vận hành Trung tâm điều hành thông minh (IOC) tỉnh và cấp huyện.

- Xây dựng CSDL Y tế, Giáo dục, Tư pháp... nhằm phục vụ kết nối liên thông các hệ thống thông tin trong xây dựng Chính quyền điện tử, Địa phương thông minh, chuyển đổi số.

- Tiếp tục triển khai, nâng cấp các camera giao thông, camera an ninh; thành lập Phòng An ninh mạng và phòng chống tội phạm sử dụng công nghệ cao nhằm xây dựng hệ thống lưu trữ dữ liệu, hệ thống cảnh báo phục vụ công tác tra cứu thông tin và giám sát vi phạm, giám sát an ninh,...

- Triển khai các ứng dụng (app) để tiếp nhận các phản ánh, tương tác giữa người dân và chính quyền.

9. Phát triển nguồn nhân lực

- Nâng cao năng lực quản lý CNTT cho cán bộ lãnh đạo sở, ban, ngành, huyện, thị xã, thành phố; gương mẫu tiên phong trong việc ứng dụng CNTT trong công việc.

- Tiếp tục tổ chức các lớp đào tạo bồi dưỡng ứng dụng CNTT hằng năm cho cán bộ công chức tại các cơ quan, đơn vị.

- Tiếp tục phổ biến, tuyên truyền việc xây dựng Chính quyền điện tử, Địa phương thông minh, chuyển đổi số.

- Tổ chức diễn tập đảm bảo an toàn thông tin mạng cho thành viên Đội ứng cứu sự cố máy tính trên địa bàn tỉnh.



- Hợp tác, liên kết đào tạo với các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước để nâng cao chất lượng đào tạo về CNTT.

- Hằng năm rà soát, kiện toàn đội ngũ lãnh đạo, cán bộ chuyên trách CNTT từ cấp tỉnh đến cấp xã; tổ chức các chương trình hội thảo, bồi dưỡng nhằm cập nhật công nghệ, thông tin và xu hướng phát triển Chính phủ điện tử cho đội ngũ lãnh đạo và cán bộ chuyên trách CNTT trong toàn tỉnh.

- Đào tạo chuyên sâu cho cán bộ chuyên trách CNTT, đội ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng, chú trọng đào tạo nâng cao các kỹ năng ứng phó với các nguy cơ mất an toàn thông tin, xử lý mã độc và khắc phục sự cố.

IV. GIẢI PHÁP

1. Giải pháp môi trường chính sách

- Hoàn thiện hệ thống pháp lý của địa phương về CNTT, đặc biệt là xây dựng và ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản chỉ đạo và điều hành nhằm tạo điều kiện thuận lợi triển khai Chính quyền điện tử tại địa phương.

- Rà soát, hoàn thiện các quy chế, quy định về sử dụng các hệ thống thông tin dùng chung, quy định về an toàn an ninh thông tin; các cơ chế chính sách thúc đẩy người dân, doanh nghiệp sử dụng các dịch vụ công do cơ quan Nhà nước cung cấp trên môi trường mạng.

- Tạo điều kiện thu hút các công ty, doanh nghiệp tham gia các hoạt động thúc đẩy ứng dụng CNTT trong các cơ quan Nhà nước, trong đó đặc biệt là hoạt động đào tạo nguồn nhân lực chuyên môn cao về CNTT và cung cấp các dịch vụ.

2. Đẩy mạnh công tác truyền thông, nâng cao nhận thức, kỹ năng số, tăng cường tương tác với người dân, doanh nghiệp

- Đổi mới công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt các Nghị quyết, các văn bản quy phạm pháp luật về CNTT đến cán bộ công chức, viên chức, doanh nghiệp và người dân.

- Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy Đảng các cấp, các ngành và đặc biệt là vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị đối với việc ứng dụng CNTT trong cải cách hành chính và xây dựng Chính quyền điện tử; gắn kết chặt chẽ và lồng ghép linh hoạt, hiệu quả giữa các hoạt động ứng dụng CNTT với cải cách hành chính.

3. Phát triển các mô hình kết hợp giữa các cơ quan Nhà nước, doanh nghiệp

- Phối hợp doanh nghiệp để cung cấp dịch vụ công (thông qua mạng bưu chính công cộng, mạng xã hội, ứng dụng của doanh nghiệp); tạo điều kiện, hỗ trợ doanh nghiệp giới thiệu, cung cấp sản phẩm, dịch vụ số.

Tạo điều kiện thu hút các công ty, doanh nghiệp tham gia các hoạt động thúc đẩy ứng dụng CNTT trong các cơ quan Nhà nước, trong đó đặc biệt là hoạt động đào tạo nguồn nhân lực chuyên môn cao về CNTT và cung cấp các dịch vụ.

4. Nghiên cứu, hợp tác để làm chủ, ứng dụng hiệu quả các công nghệ

- Bao gồm các hoạt động như nghiên cứu, đẩy mạnh ứng dụng các công nghệ số vào triển khai Chính quyền điện tử, Chính quyền số như điện toán đám mây, dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo, chuỗi khối.

- Đẩy mạnh gắn kết chặt chẽ ứng dụng CNTT với cải cách hành chính, trong đó tập trung đẩy mạnh hiện đại hóa nền hành chính, hướng đến nền hành chính công khai, minh bạch, tạo sự thuận tiện cho người dân và doanh nghiệp; rà soát, bổ sung nội dung ứng dụng CNTT vào tiêu chí chấm điểm cải cách hành chính của tỉnh đảm bảo phù hợp theo lộ trình và định hướng của Chính phủ.

5. Thu hút nguồn lực CNTT

- Ngoài việc chủ động bố trí các nguồn lực của địa phương, tích cực tranh thủ sự hỗ trợ từ các bộ, ngành Trung ương, ngân sách Trung ương và các nguồn huy động hợp pháp khác.

- Tích cực, chủ động trong việc huy động nguồn lực từ Quỹ Viễn thông công ích, Quỹ phát triển khoa học công nghệ để hỗ trợ thực hiện một số nội dung trong xây dựng Chính quyền điện tử trên địa bàn tỉnh.

- Tích cực huy động các nguồn xã hội hóa trong thực hiện các nhiệm vụ về ứng dụng CNTT, đầu tư phát triển hạ tầng, xây dựng CSDL số; đẩy mạnh thực hiện thuê dịch vụ CNTT trong cơ quan Nhà nước.

- Thực hiện tốt công tác lập kế hoạch trung hạn, ngắn hạn, công tác thẩm định, đấu thầu và quản lý các dự án đầu tư, triệt để thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong quá trình ứng dụng và phát triển CNTT.

- Tạo các cơ chế để thu hút, đầu tư và phát triển thị trường CNTT; Xây dựng các chính sách nhằm hỗ trợ phát triển thị trường CNTT, đặc biệt chú ý đến việc khuyến khích sử dụng các sản phẩm dịch vụ CNTT.

6. Giải pháp tài chính

- Huy động vốn từ nhiều nguồn khác nhau để đảm bảo nguồn vốn đáp ứng cho việc ứng dụng và phát triển CNTT: Các nguồn vốn xây dựng cơ bản, sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khoa học... để thực hiện các dự án ứng dụng CNTT cho từng ngành quản lý.

- Duy trì việc triển khai thuê dịch vụ CNTT các ứng dụng dùng chung; trong đó, ưu tiên triển khai các nội dung thuê dịch vụ đảm bảo hạ tầng kỹ thuật CNTT.

- Các cơ quan đơn vị, chủ động xây dựng kế hoạch, nguồn kinh phí đảm bảo cho việc ứng dụng và phát triển các ứng dụng CNTT tại đơn vị phù hợp với yêu cầu triển khai nhiệm vụ hằng năm.

7. Tăng cường hợp tác trong nước và quốc tế

- Tăng cường trao đổi, hợp tác với các tỉnh, thành phố trong nước (đặc biệt là Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Đà Nẵng), các doanh nghiệp lớn, có uy tín trong nước về xây dựng Chính quyền điện tử, Địa phương thông minh.



- Tiếp tục tăng cường các hoạt động triển khai hợp tác quốc tế, học tập kinh nghiệm về xây dựng Chính quyền điện tử, Địa phương thông minh với các tỉnh xếp hạng cao.

8. Giải pháp tổ chức, triển khai

8.1. Giải pháp tổ chức

- Kiện toàn Ban Chỉ đạo xây dựng Chính quyền điện tử của tỉnh; phát huy vai trò của thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trong việc chỉ đạo triển khai ứng dụng CNTT tại đơn vị.

- Lãnh đạo sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện chỉ đạo chặt chẽ công tác ứng dụng CNTT trong hoạt động của các cơ quan Nhà nước, chịu trách nhiệm về công tác ứng dụng CNTT trong hoạt động cơ quan thuộc ngành, địa phương quản lý; gương mẫu, tiên phong trong việc ứng dụng CNTT trong công tác chỉ đạo điều hành.

- Nâng cao chất lượng công tác quản lý Nhà nước về CNTT; đặc biệt chú trọng công tác xây dựng và kiện toàn bộ máy chuyên trách CNTT.

8.2. Giải pháp triển khai

- Triển khai đồng bộ các ứng dụng CNTT đảm bảo phù hợp với kiến trúc Chính quyền điện tử của tỉnh, Địa phương thông minh, chuyển đổi số.

- Tổ chức đánh giá, xếp hạng ứng dụng CNTT trong hoạt động các cơ quan Nhà nước trên địa bàn tỉnh.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho các tổ chức, doanh nghiệp và công dân về lợi ích, hiệu quả của việc ứng dụng CNTT, đặc biệt là việc sử dụng Dịch vụ công trực tuyến mức độ 4.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

- Nguồn vốn sự nghiệp CNTT năm 2021: 126.000.000.000 đồng (*Một trăm hai mươi sáu tỷ đồng*).

- Nguồn vốn khoa học công nghệ năm 2021: 4.000.000.000 đồng (*Bốn tỷ đồng*).

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Thông tin và Truyền thông

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan hướng dẫn triển khai thực hiện Kế hoạch này.

- Tham mưu xây dựng, điều chỉnh bổ sung cơ chế chính sách đẩy mạnh ứng dụng và phát triển CNTT nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý Nhà nước về CNTT.

- Rà soát, thay thế, bổ sung các văn bản liên quan đến công tác quản lý, điều hành Chính quyền điện tử.

- Tăng cường công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức, đẩy mạnh ứng dụng và phát triển CNTT trên địa bàn tỉnh.

- Định kỳ báo cáo kết quả tổ chức thực hiện về UBND tỉnh và kịp thời tổng hợp, báo cáo những khó khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện, trình UBND tỉnh xem xét, chỉ đạo.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Tham mưu UBND tỉnh bố trí vốn đầu tư đối với các dự án CNTT có sử dụng vốn đầu tư công.

- Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị thực hiện các dự án CNTT theo hình thức đối tác công tư theo quy định.

- Có trách nhiệm theo dõi, kiểm tra, đôn đốc và giám sát đánh giá các dự án CNTT sử dụng vốn đầu tư công.

- Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện công tác đấu thầu thực hiện các dự án theo quy định.

3. Sở Tài chính

Thẩm định và trình UBND tỉnh phê duyệt kinh phí thực hiện các dự án theo đúng quy định; kịp thời bố trí nguồn vốn để thực hiện ứng dụng CNTT trong xây dựng Chính quyền điện tử, chuyển đổi số, Địa phương thông minh và bảo đảm an toàn thông tin mạng tỉnh Bình Phước năm 2021.

4. Sở Nội vụ

Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông tham mưu UBND tỉnh sắp xếp, kiện toàn Ban Chỉ đạo xây dựng Chính quyền điện tử của tỉnh.

5. Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố

- Rà soát, cập nhật bộ thủ tục hành chính (tinh giản, đơn giản hóa) mẫu đơn, tờ khai để phục vụ người dân, doanh nghiệp.

- Yêu cầu các sở, ban, ngành và các đơn vị đã sử dụng phần mềm chuyên ngành khác kết nối vào Cổng thông tin điện tử tỉnh để liên thông, chia sẻ dữ liệu, minh bạch thông tin.

- Theo phân cấp ngân sách và tình hình thực tế tại đơn vị để ưu tiên bố trí kinh phí duy trì, sửa chữa, nâng cấp hoặc trang bị mới các trang thiết bị CNTT, phần mềm cần thiết cho hoạt động của đơn vị và phù hợp với khung kiến trúc ICT chung của tỉnh, đảm bảo kết nối liên thông các cấp.

- Định kỳ hàng quý báo cáo tình hình ứng dụng CNTT của cơ quan, gửi về Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh theo quy định.

6. Các đơn vị thụ hưởng

Phối hợp với Chủ đầu tư:

- Khảo sát và xây dựng dự án phù hợp với nhu cầu của cơ quan, đơn vị mình quản lý, đồng thời đáp ứng được nhu cầu cấp thiết của người dân.



- Định kỳ 06 tháng, năm; báo cáo tình hình triển khai thực hiện các dự án đã được phê duyệt, gửi về Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh theo quy định.

VII. DANH MỤC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN: *Chi tiết tại Phụ lục 2 và 3.*

UBND tỉnh yêu cầu các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị liên quan nghiêm túc triển khai thực hiện Kế hoạch này. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc gửi Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định.

(Kèm theo 03 Phụ lục: 1, 2, 3)./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Ủy ban quốc gia về CPĐT;
- Bộ TT&TT;
- TTTU, TT.HĐND tỉnh, UBMTTQVN tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- LĐVP, các Phòng;
- Lưu: VT, KGVX, TD4.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Tuyết Minh

Phụ lục 1

Mục tiêu chuyển đổi số, xây dựng Chính quyền điện tử, Địa phương thông minh và đảm bảo an toàn thông tin mạng năm 2021

(Kèm theo Kế hoạch số 34/KH-UBND ngày 01 tháng 02 năm 2021 của UBND tỉnh)

1. Chuyển đổi số, xây dựng Chính quyền điện tử

Stt	Mục tiêu	Mục tiêu phần đầu năm 2021	Ghi chú
1.	Cổng Dịch vụ công, Hệ thống thông tin một cửa điện tử cấp tỉnh được kết nối, chia sẻ dữ liệu với Cổng Dịch vụ công quốc gia	100%	
2.	Dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 phổ biến, liên quan tới nhiều người dân, doanh nghiệp được tích hợp lên Cổng Dịch vụ công quốc gia	100%	
3.	Giao dịch trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, Cổng Dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa điện tử cấp bộ, cấp tỉnh được xác thực điện tử	100%	
4.	Số lượng người dân và doanh nghiệp tham gia hệ thống Chính phủ điện tử được xác thực định danh điện tử thông suốt và hợp nhất trên tất cả các hệ thống thông tin của các cấp chính quyền từ trung ương đến địa phương	40%	
5.	Tỷ lệ hồ sơ giải quyết theo dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 trên tổng số hồ sơ	50% trở lên	
6.	Thủ tục hành chính đáp ứng yêu cầu được triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4	95%	
7.	Tích hợp các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 của các bộ, ngành, địa phương với Cổng Dịch vụ công quốc gia	50%	
8.	Người dân và doanh nghiệp hài lòng về việc giải quyết thủ tục hành chính	Tối thiểu 60%	
9.	các hệ thống thông tin của các bộ, ngành, địa phương có liên quan đến người dân, doanh nghiệp đã đưa vào vận hành, khai thác được kết nối, liên thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu; thông tin của người dân, doanh nghiệp đã được số hóa và lưu trữ tại các cơ sở dữ liệu quốc gia không phải cung cấp lại	60%	

10.	Hồ sơ công việc tại cấp tỉnh, cấp huyện và tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (không bao gồm hồ sơ xử lý công việc có nội dung mật)	100%	
11.	Báo cáo định kỳ (không bao gồm nội dung mật) của các cơ quan hành chính nhà nước được cập nhật, chia sẻ trên Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia, phục vụ hiệu quả hoạt động quản lý, chỉ đạo, điều hành	80%	
12.	Hộ gia đình có sử dụng ít nhất 1 thiết bị thông minh.	95%	
13.	Người sử dụng Internet trên địa bàn tỉnh.	71%	
14.	Doanh nghiệp công nghệ số trên một nghìn dân	0,7	
15.	Đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính theo hướng nâng cao chất lượng dịch vụ, không theo địa giới hành chính	30%	
16.	Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trên cổng Dịch vụ công quốc gia trên tổng số giao dịch thanh toán của dịch vụ công	25%	
17.	Tỷ lệ thủ tục hành chính có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được thanh toán trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia	đạt 50%	
18.	Bệnh viện hạng 2 trở lên cung cấp thanh toán viện phí trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia.	50%	
19.	Các trường Đại học, Cao đẳng, trung cấp thanh toán học phí trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia.	30%	
20.	Đơn vị cấp xã cung cấp dịch vụ chứng thực bản sao điện tử từ bản chính	35%	
21.	Địa phương thực hiện đồng bộ kết quả xử lý hồ sơ thủ tục hành chính	100%	
22.	Kết quả xử lý hồ sơ thủ tục hành chính thực hiện đồng bộ, đầy đủ trên Cổng dịch vụ công quốc gia	100%	
23.	Hồ sơ của hệ thống một cửa điện tử được đồng bộ trạng thái trên Cổng dịch vụ công quốc gia phục vụ việc theo dõi, giám sát, đánh giá.	100%	
24.	Chế độ báo cáo của thuộc phạm vi báo cáo của tỉnh được thực hiện trên hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh.	50%	
25.	Kết nối các hệ thống thông tin, hệ thống một cửa cấp tỉnh tích hợp với trung tâm thông tin, chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.	100%	
26.	Các chỉ tiêu chủ yếu của Kế hoạch phát triển KTXH được cung cấp, tích hợp trên Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ và Trung tâm thông tin, chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ	100%	

27.	Triển khai hệ thống thông tin hợp và xử lý công việc của HĐND và UBND cấp tỉnh.	50%	
28.	Tiếp tục nâng cao Chỉ số về Chính phủ điện tử, bao gồm ba nhóm chỉ số thành phần về dịch vụ công trực tuyến (OSI), hạ tầng viễn thông (TII) và nguồn nhân lực (HCI).		

2. Xây dựng Địa phương thông minh

Stt	Mục tiêu	Mục tiêu phần đầu năm 2021	Ghi chú
1.	Các điểm công cộng được lắp đặt camera giám sát an ninh trật tự công cộng	90%	
2.	Trường học trên địa bàn tỉnh ứng dụng công nghệ thông tin trong kết nối gia đình và nhà trường.	90%	
3.	Trường học trên địa bàn thành phố Đồng Xoài phổ cập lớp học đa phương tiện.	100%	
4.	Triển khai các ứng dụng, cơ sở dữ liệu, nền tảng kết nối cho việc vận hành cung cấp các dịch vụ cho người dân, doanh nghiệp: CSDL ngành Y tế, CSDL hộ tịch.	100%	

3. Bảo đảm an toàn thông tin

Stt	Mục tiêu	Mục tiêu phần đầu năm 2021	Ghi chú
1.	Hệ thống thông tin của tỉnh được xác định và bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ.	100%	
2.	Máy tính của cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh được giám sát an toàn thông tin.	100%	
3.	Thành viên Đội ứng cứu sự cố của tỉnh được đào tạo, tập huấn, diễn tập về an toàn thông tin.	100%	
4.	Hoàn thiện bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo mô hình 4 lớp.	100%	
5.	Duy trì và hoàn thiện phần mềm và các thiết bị giám sát an toàn thông tin mạng theo chuẩn Trung tâm giám sát điều hành an toàn/an ninh mạng SOC.	100%	

PHỤ LỤC 2

(Kèm theo Kế hoạch số 34 /KH-UBND ngày 01 tháng 01 năm 2021 của UBND tỉnh)

A. DANH MỤC DỰ ÁN CHUYỂN ĐỔI SỐ, XÂY DỰNG CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ

ĐVT: Nghìn đồng

STT	TÊN DỰ ÁN	Đơn vị chủ trì	Kinh phí	Ghi chú
			Nghìn đồng	
1	Duy trì Hệ thống phần mềm hợp không giấy trên địa bàn tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	730.000	Thuê hàng năm
2	Thuê Mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước		3.300.000	Thuê hàng năm
3	Thuê phần mềm một cửa điện tử từ cấp huyện đến cấp xã		1.920.000	Thuê hàng năm
4	Thuê phần mềm Quản lý văn bản và Điều hành năm 2021		660.000	Thuê hàng năm
5	Thuê Hệ thống thư điện tử công vụ		700.000	Thuê hàng năm
6	Thuê hạ tầng công nghệ thông tin, Cloud của các doanh nghiệp		3.800.000	Thuê hàng năm
7	Thuê phần mềm và đường truyền tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh	2.590.000	Thuê hàng năm
8	Xây dựng Trung tâm tích hợp dữ liệu của các cơ quan đảng	Văn phòng Tỉnh ủy	8.780.000	đăng ký
9	Phần mềm Quản lý hồ sơ cán bộ	Ban Tổ chức Tỉnh ủy	1.000.000	đăng ký
10	Xây dựng hệ thống "Quản lý công tác an toàn vệ sinh lao động"	Sở Lao động thương binh và Xã hội	2.000.000	đăng ký
11	Duy trì và mở rộng các tiện ích hệ thống quản lý dữ liệu ngành Công Thương (giai đoạn 2)	Sở Công Thương	500.000	đăng ký
12	Dự án mua sắm thiết bị cho Tòa soạn hội tụ	Đài Phát thanh - Truyền hình và Báo Bình Phước	2.600.000	đăng ký
13	Số hoá tư liệu phát thanh, truyền hình và báo in		1.400.000	đăng ký
14	Xây dựng cơ sở dữ liệu (CSDL) đặc tả và số hóa tài liệu lưu trữ theo Quyết định số 458/QĐ-TTg ngày 03/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ	Sở Nội vụ	10.000.000	đăng ký
15	Số hóa kết quả giải quyết TTHC còn hiệu lực theo Kế hoạch số 137/KH-UBND ngày 26/5/2020 của UBND tỉnh		5.000.000	đăng ký
16	Bổ sung chức năng cấp xã vào phần mềm Chỉ số CCHC của tỉnh và cập nhật dữ liệu phiếu điều tra khảo sát sự hài lòng của người dân		1.000.000	đăng ký
17	Xây dựng phần mềm tác nghiệp và quản lý cơ sở dữ liệu hồ sơ công tác thi đua, khen thưởng		1.100.000	đăng ký
18	Nâng cấp phần mềm quản lý công chức, viên chức và chuyển đổi, chuẩn hóa, tạo lập cơ sở dữ liệu hồ sơ CBCC vào hệ thống quản lý hồ sơ CBCC		3.000.000	đăng ký
19	Triển khai hệ thống kiểm định giáo dục	Sở Giáo dục và Đào tạo	7.500.000	đăng ký
20	Phần mềm tuyển sinh đầu cấp (lớp 1, 6, 10)		4.500.000	

B. DANH MỤC DỰ ÁN XÂY DỰNG ĐỊA PHƯƠNG THÔNG MINH

STT	TÊN DỰ ÁN	Đơn vị chủ trì		Ghi chú
1	Xây dựng CSDL ngành Y tế	Sở Y tế	4.000.000	ĐTMM
2	Xây dựng CSDL hộ tịch	Sở Tư pháp	4.000.000	ĐTMM
3	Đầu tư hệ thống Camera giám sát giao thông, an ninh trên địa bàn tỉnh Bình Phước	Công an tỉnh	28.000.000	Đăng ký
4	Đề án thành lập Phòng An ninh mạng và phòng chống tội phạm sử dụng công nghệ cao		22.000.000	



C. DANH MỤC DỰ ÁN BẢO ĐẢM AN TOÀN THÔNG TIN MẠNG				
STT	TÊN DỰ ÁN	Đơn vị chủ trì		Ghi chú
1	Triển khai phần mềm và thiết bị giám sát an toàn an ninh	Sở Thông tin và Truyền thông	3.600.000	<i>Thuê hàng</i>
2	Thuê chuyên gia đánh giá an toàn an ninh thông tin mạng		900.000	<i>Thuê hàng năm</i>
D. DANH MỤC DỰ ÁN ĐÀO TẠO, TẬP HUẤN, TUYÊN TRUYỀN				
STT	TÊN DỰ ÁN	Đơn vị chủ trì		Ghi chú
1	Chương trình ITTODAY Bình Phước	Đài Phát thanh - Truyền hình và Báo Bình Phước	200.000	Hàng năm
2	Tuyên truyền, tập huấn tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ công mức độ 3, mức độ 4 trên địa bàn tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	500.000	Đăng ký
3	Tập huấn chuẩn hóa nguồn nhân lực CNTT trong tỉnh, nâng cao nhận thức, trang bị kỹ năng về an toàn thông tin cho công chức, viên chức			Đăng ký
4	Hỗ trợ trang bị điện thoại thông minh và cước thuê bao cho lực lượng đoàn viên	Sở Thông tin và Truyền thông	720.000	
TỔNG CỘNG			126.000.000	



PHỤ LỤC 3
DANH MỤC DỰ ÁN TỪ NGUỒN SỰ NGHIỆP KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
(Kèm theo Kế hoạch số 34 /KH-UBND ngày 01 tháng 02 năm 2021 của UBND tỉnh)

ĐVT: Nghìn đồng

STT	TÊN DỰ ÁN	Đơn vị chủ trì	Kinh phí	Ghi chú
1	Phát triển cơ sở dữ liệu về khoa học và công nghệ tỉnh Bình Phước	Sở Khoa học và Công nghệ	1.500	Nguồn sự nghiệp Khoa học công nghệ năm 2021-2022
2	Xây dựng cơ sở dữ liệu và ứng dụng quản lý, khai thác thông tin chỉ dẫn địa lý “Hạt điều Bình Phước”	Sở Khoa học và Công nghệ	2.500	
TỔNG CỘNG			4.000.000	